TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TR** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Văn Đài.

Ông Phạm Văn Bằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1010/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn 3A, xã Tr, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Lô C, đường số 1, khu công nghiệp Đồng An, phường, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn**: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ 6, ấp 1, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai vào ngày 29/06/2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong lúc cãi vã thì vợ chồng có đánh nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/08/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tạm thời, bà không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Đinh Văn M: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về việc giải quyết vụ án**:

Nhận thấy: Quá trình giải quyết Tòa đã thu thập các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình sống chung của vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong lúc cãi vã thì vợ chồng có xảy ra xô xát. Ông, bà đã sống ly thân một năm nay, hai bên không gặp mặt để hòa giải đoàn tụ. Đối với ông Đinh Văn M đã được Tòa thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng ông M không đến làm việc theo quy định, điều này chứng tỏa mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M đã đến mức trầm trọng, ông M không muốn tiếp tục hàn gắn, duy trì hôn nhân với bà T vì vậy việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Quốc H, khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhận thấy bà T có việc làm và thu nhập ổn định, hiện nay cháu Huy đang sinh sống cùng bà T vì vậy giao cháu Huy cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì những lẽ trên:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Đinh Văn M;

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Quốc H cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết, do chưa lấy được lời khai của ông M nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn đối với ông Đinh Văn M, có địa chỉ cư trú tại: Tổ 6, ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Theo biên bản xác minh của Công an xã Sông Trầu, huyện Tr cung cấp thông tin: Hiện nay ông Đinh Văn M có cư trú tại địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tr có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Đinh Văn M để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Đinh Văn M vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân huyện Tr để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đinh Văn M.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M kết hôn vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29 tháng 6 năm 2020 đúng theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị T trình bày sau khi kết hôn bà và ông Đinh Văn M chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Vào tháng 03 năm 2022, bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn ra Tòa án nhưng sau đó bà rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng giữa bà và ông M không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà xin ly hôn ông Đinh Văn M.

Ông Đinh Văn M tuy đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng ông M không đến Tòa án làm việc, hòa giải theo quy định, không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ giữa hai vợ chồng. Như vậy ông M coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện, cũng cho thấy ông M không quan tâm đến việc bà T xin ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr: Đại diện Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M đều không báo địa phương biết. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn M.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M có 01 con chung là cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/08/2020. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huy. Tạm thời, bà T không yêu cầu ông Đinh Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điền kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Xét về khả năng, điều kiện nuôi con của các đương sự nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T có công việc và thu nhập ổn định. Sau khi vợ chồng sống ly thân, cháu Huy hiện sống chung với bà T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/08/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đinh Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn ông Đinh Văn M không có lời khai nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đinh Văn M về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn M.

- Về con chung: Giao con chung cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/08/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Đinh Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Đinh Văn M không có lời khai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Đinh Văn M không có lời khai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị T theo biên lai thu số 0001750 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Sông Trầu, H. Tr, tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tr;
- Chi cục THADS huyện Tr;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuyền